

# Bức tranh toàn cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam 2013 và một số khuyến nghị chính sách cho năm 2014

*Nền kinh tế năm 2013 đã có những điểm sáng tích cực hơn so với năm 2012 như ổn định lạm phát và tỷ giá, tổng cầu đang trên đà hồi phục, tăng trưởng kinh tế sát mục tiêu 5,5%,... các ngân hàng tích cực xử lý nợ xấu và tái cơ cấu nhằm nâng cao năng lực. Những kết quả này là nhờ việc thực hiện quyết sách của Chính phủ, những chính sách và chỉ đạo kịp thời của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Bài nghiên cứu trình bày tập trung vào ba nội dung: (i) Bức tranh kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2013; (ii) Đánh giá hoạt động điều hành của NHNN năm 2013 và khuyến nghị chính sách 2014; (iii) Toàn cảnh hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam 2013 và đề xuất một số giải pháp cho năm 2014.*

NGND. PGS. TS. TÔ NGỌC HƯNG - TS. NGUYỄN ĐỨC TRUNG

Học viện Ngân hàng

## 1. Bức tranh kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2013

### 1.1. Tình hình kinh tế quốc tế năm 2013

Tiến trình phục hồi của kinh tế thế giới năm 2013 diễn ra tương đối chậm, với mức độ phục hồi không đồng đều giữa các khu vực, trong đó, một số nền kinh tế tăng trưởng cao và phục hồi nhanh là do đã và đang thực hiện chính sách kích thích kinh tế như nới lỏng tài khóa, duy trì mức lãi suất thấp.

*Kinh tế Hoa Kỳ có dấu hiệu phục hồi tốt:* Trong năm 2013, các khu vực của nền kinh tế Mỹ tiếp tục tăng trưởng bao gồm cả khu vực sản xuất và phi sản xuất. Tình hình việc làm được

**Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp của thế giới và một số quốc gia (%)**

Thế giới	1,80	2,40	3,80
Mỹ	3,60	2,70	4,70
Nhật Bản	0,20	0,20	3,20
EU	-2,30	0,00	0,90
Anh	-2,40	-0,30	1,40
Canada	0,90	1,00	1,30
Trung Quốc	10	9,40	8,70
Ấn Độ	2,10	1,50	4,40
Hàn Quốc	0,90	-0,20	2,80
Brazil	-2,70	2,00	2,50

*Nguồn: Citii Research*

cải thiện tương đối khả quan, tỷ lệ thất nghiệp đang có xu hướng giảm trong những tháng cuối năm 2013.

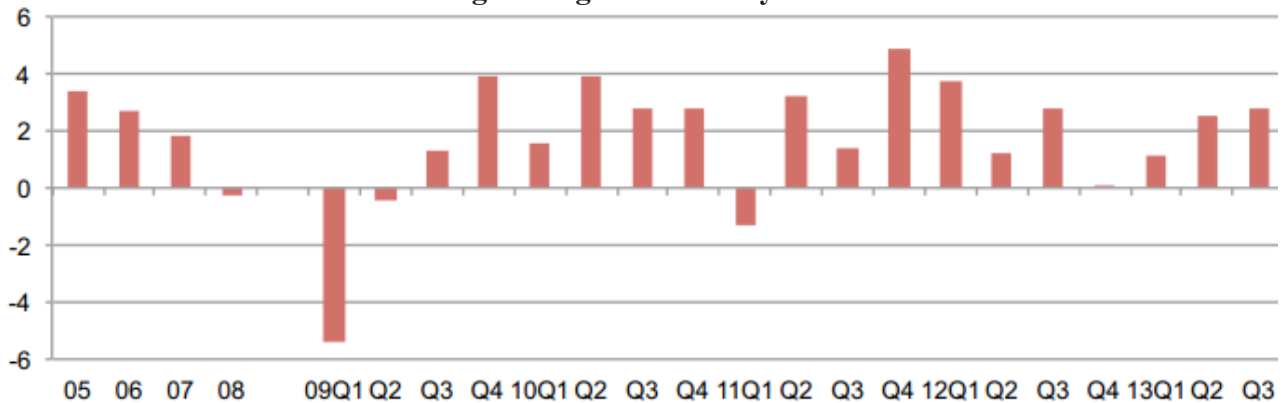
Hơn thế, Cục Dự trữ Liên bang tiếp tục thực hiện gói nới lỏng định lượng nhưng với

cường độ giảm hơn trước nhằm tránh các cú sốc đối với nền kinh tế Mỹ, đảm bảo ổn định tâm lý nhà đầu tư.

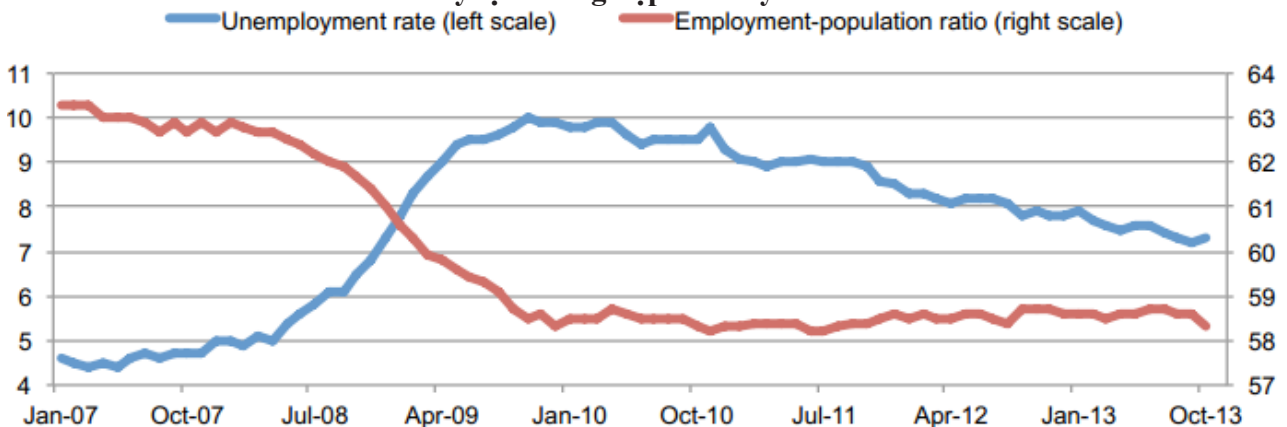
*Kinh tế EU vẫn gặp khó khăn:* Nhiều nước trong khu vực kinh tế EU đang phải đối mặt là tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao, đặc biệt Hy Lạp và Tây Ban Nha vẫn có tỷ lệ thất nghiệp lần lượt khoảng 27% và 23%.

Chỉ số PMI sản xuất của khu vực đồng euro (Eurozone) vẫn trong xu hướng giảm cho thấy lĩnh vực sản xuất EU còn tiếp tục gặp khó khăn. Mặc dù khu vực Châu Âu thoát khỏi suy thoái dài nhất trong lịch sử với việc khu vực đồng Euro trong quý 2/2013 đã lần đầu tiên tăng trưởng dương kể từ quý

**Hình 1. Tăng trưởng GDP của Mỹ 2005 đến 2013**



**Hình 2. Tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ từ 2007-2013**



*Nguồn: CEB, 2013*

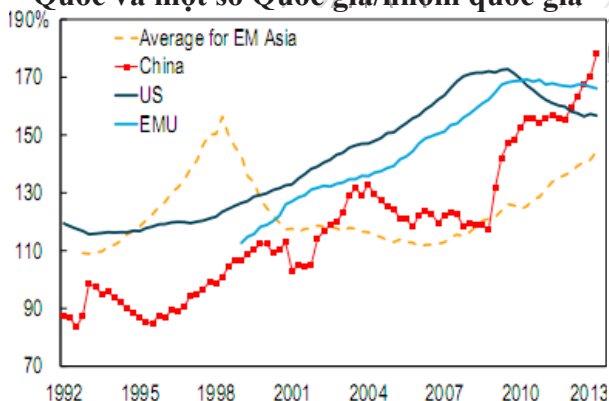
4/2011, nhưng cũng chỉ ở mức 0,3% so quý trước, thấp hơn mức trung bình 0,35% kể từ quý 3/2007.

Tỷ lệ lạm phát của khu vực EU thường xuyên thấp hơn mục tiêu và là dấu hiệu cho thấy hoạt động kinh tế sẽ còn âm ảm. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) dự báo lạm phát sẽ ở mức 1,6% trong năm 2013 và 1,3% trong năm 2014. Trong năm 2014, ECB dự định duy trì lãi suất xuống mức thấp kỷ lục 0,5%, nhằm kích thích phát triển kinh tế ngăn chặn nguy cơ suy thoái sâu hơn.

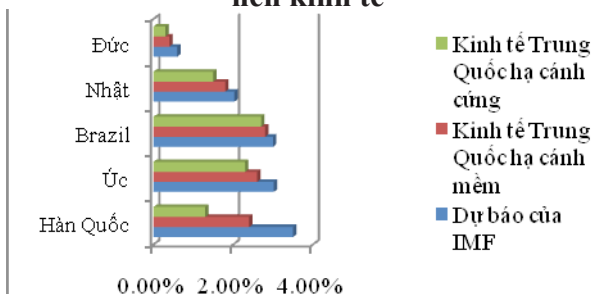
**Kinh tế Trung Quốc suy giảm:** Kể từ sau khi đạt tốc độ tăng trưởng lên tới 11,9% năm 2007, từ 2008 đến 2012, tăng trưởng GDP lần lượt là 9,6%; 9,2%; 10,3%, 9,3% và 7,8%, đặc biệt là từ đầu năm 2011 đến quý II/2013, tăng trưởng GDP của Trung Quốc đã liên tục giảm trong 10 quý liền, trong đó 5 quý liên tục có mức tăng trưởng GDP nằm trong khoảng 7,4-7,9%. Sự suy giảm của xuất khẩu cùng sức bật yếu từ tiêu dùng nội địa đã khiến Chính phủ Trung Quốc thất bại trong việc hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.

Sự quản lý tập trung của Chính phủ vào các tổng công ty lớn đã góp phần làm bùng nổ lượng tín dụng cho nền kinh tế mà không tính tới các yếu tố

**Hình 3. Tỷ lệ nợ so với GDP tại Trung Quốc và một số Quốc gia/nhóm quốc gia**



**Hình 4. Tăng trưởng kinh tế của một số nền kinh tế**



Nguồn: Citi Research

rủi ro tiềm ẩn như sự thiếu hiệu quả của các khoản tín dụng. Do đó, trong tương lai, nếu như có sự cắt giảm mạnh các luồng tín dụng này đối với nền kinh tế, có khả năng gây ra hiệu ứng sốc tiêu cực cho nền kinh tế vốn đã quen “sống nhờ vào vay nợ”.

**Tác động của tình hình kinh tế thế giới đối với Việt Nam:** Sự khó khăn của các nền kinh tế châu Âu và Trung Quốc gián tiếp ảnh hưởng tới Việt Nam trong ngành xuất khẩu hàng hóa. Tuy nhiên, việc Mỹ tiếp tục gói nợ định lượng vẫn là một thuận lợi cho nền kinh tế Việt Nam khi lãi suất USD được duy trì ở mức thấp, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong việc thi hành các chính sách lãi suất nhằm tháo gỡ khó

khăn cho các doanh nghiệp, từ đó kích thích tổng cầu trong nền kinh tế qua kênh cầu trung gian và cầu tiêu dùng cuối cùng. Hơn nữa, lãi suất USD thấp cũng giúp cho luồng vốn gián tiếp đổ vào Việt Nam ổn định, từ đó, giảm áp lực lên tỷ giá do nguồn cung ổn định.

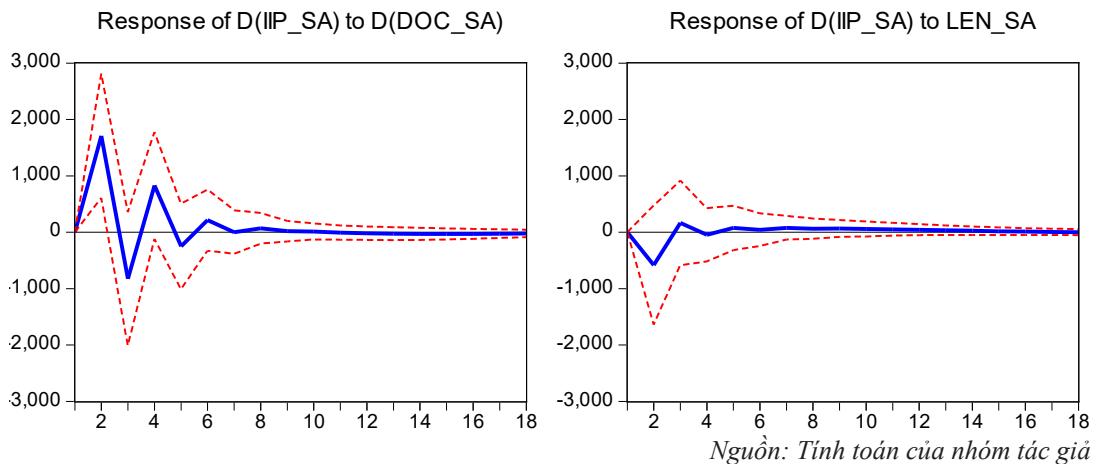
**1.2. Kinh tế Việt Nam 2013**

Trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến khá phức tạp, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2013 đã được cải thiện so với năm 2012. Nếu năm 2012 chứng kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế xuống thấp nhất kể từ năm 1999 thì tình hình tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2013 đã được hồi phục, tăng 5,42% so với năm 2012.

*Động lực lớn nhất thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2013 chính là ngành Ngân hàng*

Sử dụng mô hình tự hồi quy VAR để phân tích cơ chế truyền dẫn chính sách tiền tệ (CSTT) và tác động của các cú sốc tại Việt Nam giai đoạn 7/2008- 6/2013. Các biến sử dụng trong mô hình là giá trị sản xuất công nghiệp (IIP), chỉ số giá tiêu dùng (CPI), tín dụng đối với khu vực tư nhân (DOC), lãi suất cho vay (LEN), và tỷ giá bán thị trường tự do (EXE). Số liệu được thu thập theo tháng từ Tổng cục Thống kê, Thống kê tài chính quốc tế, và NHNN Việt Nam. Các biến

**Hình 5. Hàm phản ứng của giá trị sản xuất công nghiệp trước cú sốc tín dụng**  
Response to Cholesky One S.D. Innovations  $\pm 2$  S.E.



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

số được kiểm định tính dừng, lấy sai phân và loại bỏ yếu tố mùa vụ trước khi đưa vào mô hình hồi quy.

Hàm phản ứng của biến giá trị sản xuất công nghiệp với tín dụng đối với khu vực tư nhân cho thấy, việc mở rộng tín dụng có tác động thúc đẩy hoạt động của nền kinh tế bắt đầu từ tháng thứ hai, và ảnh hưởng của nó giảm dần qua thời gian trước khi hết hẳn vào tháng thứ bảy. Trong khi đó, lãi suất giảm có tác dụng làm tăng giá trị sản xuất công nghiệp, nhưng mức độ và thời

gian ảnh hưởng thấp hơn nhiều so với tín dụng. Phân rã phương sai của giá trị sản xuất công nghiệp cho thấy sự đóng góp đáng kể của tín

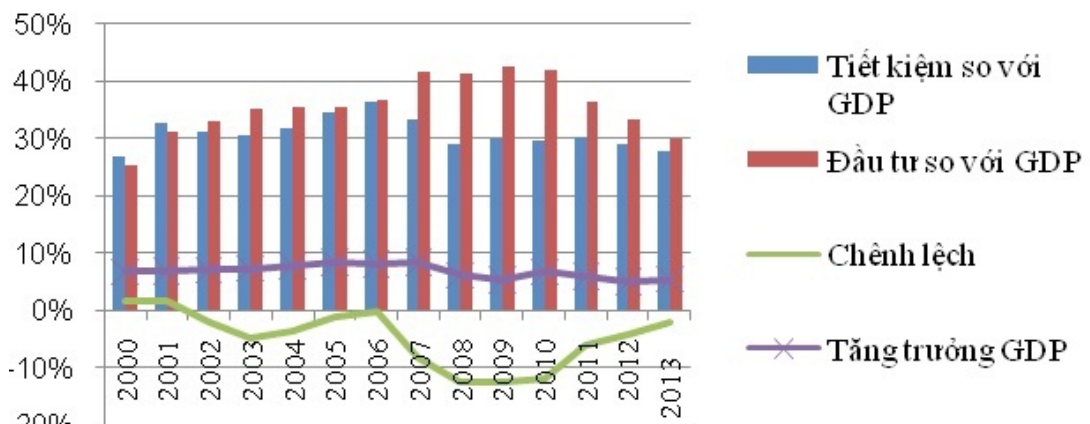
dụng đối với khu vực tư nhân khi giải thích tới 15,1% sự biến động của giá trị sản xuất công nghiệp ngay trong tháng thứ hai, và gần 21% trong các tháng tiếp sau đó. Như vậy, trong năm 2013, việc toàn ngành Ngân hàng thúc đẩy mở rộng tín dụng đối với nền kinh tế và giảm dần mặt bằng lãi suất đã có những đóng góp đáng kể vào mức phục hồi của kinh tế Việt Nam.

Mô hình định lượng cho thấy, tín dụng ngân hàng là động lực lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

suất giảm như năm 2013 thì khó khăn của doanh nghiệp Việt Nam xuất phát chủ yếu từ những yếu kém nội tại của chính doanh nghiệp. Thực vậy, 97% doanh nghiệp được khảo sát khẳng định việc **giảm lãi suất cũng như việc gia hạn nợ và cơ cấu lại kỳ hạn nợ** là những chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn tốt nhất của Chính phủ trong năm 2013. Như vậy, những kết quả trong **ổn định giá trị đồng tiền** cũng như **hỗ trợ phục hồi và thúc đẩy doanh nghiệp** phát triển theo

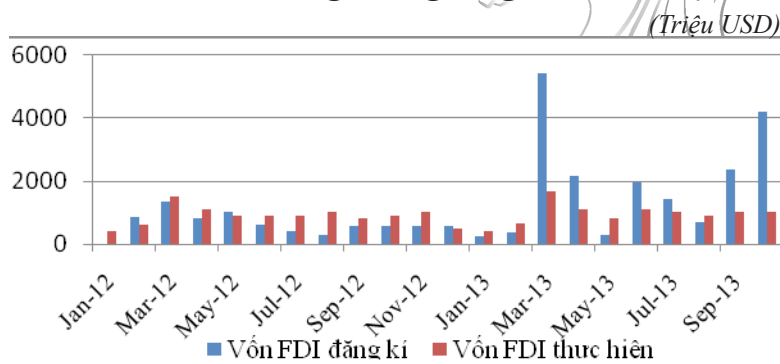
Việt Nam. Ngoài ra, kết quả cuộc khảo sát 306 doanh nghiệp do chúng tôi thực hiện cho thấy, khi tín dụng đã tăng trưởng tốt, mặt bằng lãi

**Hình 6. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tiết kiệm và chênh lệch tiết kiệm- đầu tư so với GDP**



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 7. Tình hình đăng kí và giải ngân vốn FDI tại VN



Nguồn: Tổng cục Thống kê và MPI

hướng bền vững, ngành Ngân hàng là động lực quan trọng nhất trong việc dần khôi phục nền kinh tế vĩ mô Việt Nam giai đoạn 2011- 2013.

*Sự hội tụ của tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư*

Năm 2013 chứng kiến sự chênh lệch giữa đầu tư và tiết kiệm so với GDP dần tiến về mức cân bằng. Việc giảm tổng đầu tư xã hội là hợp lý trong giai đoạn nền kinh tế đang tái cơ cấu, đặc biệt đang trong thời kỳ nâng cao hiệu quả của dòng vốn đầu tư.

*Các luồng vốn đầu tư, viện trợ từ nước ngoài tiếp tục là nguồn chính giúp cân cân tổng thể thặng dư*

Luồng vốn FDI đăng kí và giải ngân trong năm 2013 cao hơn so với năm 2012. Sự tăng lên của nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là một dấu hiệu tích cực trong bối cảnh vốn đầu tư trong nước gặp khó khăn. Thêm vào đó, dòng vốn này tiếp tục tạo nên nguồn cung ngoại tệ đáng kể, giúp bình ổn thị trường ngoại hối Việt Nam trong năm 2013.

So với các năm trước, luồng vốn đầu tư gián tiếp năm 2013

có sự gia tăng chủ yếu do các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài giải ngân để mua cổ phiếu của một số ngân hàng. Đặc biệt với chu kỳ giải ngân vào cuối năm thì luồng vốn này sẽ hỗ trợ đặc lực cho thị trường ngoại hối.

*Lạm phát tiếp tục ổn định ở mức thấp trong năm thứ hai liên tiếp*

Lạm phát 2013 đạt 6,04%, giảm so với năm 2012 (6,81%), phản ánh sự thành công trong việc kiểm soát lạm phát của Việt Nam. Năm 2013, Chính phủ quyết tâm thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát theo tinh thần Nghị quyết 01/NQ-CP và Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 7/1/2013. Bên cạnh đó, NHNN đã thực hiện tốt công tác điều hành chính sách tiền tệ (CSTT), ổn định tỷ giá và thị trường vàng, giảm tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế, hạ mặt bằng lãi suất và đảm bảo nguồn vốn tín dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Những quyết tâm từ phía Chính phủ và NHNN về việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đến lượt nó, đã làm giảm kỳ vọng của công chúng và doanh

nh nghiệp về lạm phát.

***Bên cạnh những điểm sáng kể trên, nền kinh tế Việt Nam 2013 vẫn tồn tại một số vấn đề đáng quan ngại.*** Trong đó, chi ngân sách vượt định mức khiến Chính phủ phải nâng trần bội chi từ 4,8% lên 5,3% GDP. Đây là một quan ngại liên quan tới kỷ luật ngân sách Nhà nước bởi hành động này sẽ tạo nên một tiền lệ không tốt. Do đó, trong thời gian tới, Chính phủ cần đặt ra lộ trình giảm tỷ lệ bội chi trên GDP.

**2. Toàn cảnh điều hành chính sách tiền tệ của NHNN năm 2013 và một số khuyến nghị chính sách cho năm 2014**

**2.1. Điều hành chính sách tiền tệ năm 2013**

*Những thay đổi quan trọng trong điều hành CSTT thời gian qua*

Thứ nhất, NHNN đã thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo một môi trường vận hành CSTT. Các nhân tố chính gây ra sự thiếu hiệu quả của việc sử dụng các công cụ trong điều hành CSTT thời gian trước 2011 là sự bất ổn của thị trường nợ ngoại tệ, vàng, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng và thị trường tiền tệ liên ngân hàng (TTLNH). Do đó, NHNN đã thực hiện các giải pháp nhằm ổn định các thị trường này, qua đó, tăng hiệu quả của việc sử dụng các công cụ CSTT trong điều hành. Cụ thể:

- Triển khai đồng bộ và quyết liệt nhiều giải pháp nhằm giảm quy mô của thị trường nợ ngoại tệ, giảm tình trạng đô la hóa;

- Triển khai đồng bộ và quyết liệt nhiều giải pháp nhằm chấm dứt thị trường nợ vàng;

- nỗ lực giải phóng kênh tín dụng thông qua các chương trình tái cấu trúc, giải quyết nợ xấu tồn đọng;

- Giải quyết các vấn đề của TTLNH gắn liền với hoàn thiện cơ chế quản trị thanh khoản của hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD).

*Thứ hai*, bám sát Nghị quyết 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012, Nghị quyết số 13/NQ-CP về tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh gắn với hỗ trợ phát triển thị trường, Nghị quyết số 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013, và Nghị quyết số 02/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ

xấu, NHNN đã theo đuổi chính sách đa mục tiêu một cách linh hoạt và mềm dẻo, vừa bảo đảm kiểm soát lạm phát, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định tỷ giá thông qua nhiều định hướng cụ thể như sau:

(i) Mục tiêu ổn định giữ vai trò chủ đạo trong điều hành CSTT của NHNN từ 2011-2013, thể hiện qua các chỉ thị của NHNN (Bảng 3).

(ii) Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong việc xây dựng mục tiêu cũng như quá trình vận hành chính sách đã bắt đầu được thực hiện. Các thông tin về điều hành CSTT sẽ được công chúng nắm rõ hơn, giúp củng cố niềm tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng, tranh thủ được sự hỗ trợ và đồng thuận của toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thực thi CSTT hiệu quả.

(iii) NHNN và Bộ Tài chính đã chủ động trong phối hợp CSTT và chính sách tài khóa (CSTK), xác định rõ những vấn đề của từng chính sách. Ngày 29/2/2012, Bộ Tài chính và NHNN đã ký kết “Quy

chế về phối hợp công tác và trao đổi thông tin” giữa hai Bộ, trong đó đề cập tới cơ chế phối hợp trong điều hành chính sách thường xuyên. Mặc dù, CSTT vẫn bị chi phối bởi CSTK khi dự kiến thu ngân sách không đạt mục tiêu, bội chi ngân sách tăng cao, buộc phải tăng mức bội chi ngân sách lên 5,3% GDP. Trong bối cảnh đó, NHNN vẫn ưu tiên cho mục tiêu ổn định tiền tệ khi điều hành linh hoạt, thận trọng lượng tiền cung ứng đặt trong mối quan hệ với công tác phát hành trái phiếu chính phủ (TPCP) nhằm hạn chế lượng tiền trong nền kinh tế gia tăng vượt quá khả năng hấp thụ, gây ra lạm phát.

*Thứ ba*, phối hợp các công cụ một cách linh hoạt và hiệu quả để khai thác tối đa cả cơ chế điều hành trực tiếp và cơ chế điều hành gián tiếp, từng bước hoàn chỉnh điều kiện chuyển sang cơ chế điều hành gián tiếp khi thuận lợi. Cụ thể:

(i) Phối hợp đồng bộ giữa điều hành lãi suất và tỷ giá. Ngay từ đầu năm, Thống đốc NHNN đã

**Bảng 3. Các chỉ thị NHNN ban hành định hướng điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng giai đoạn 2011- 2013**

Chỉ thị	Ngày ban hành	Tên văn bản
01/CT-NHNN	01/03/2011	Về thực hiện các giải pháp tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội
01/CT-NHNN	13/02/2012	Về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2012
06/CT-NHNN	09/11/2012	Về các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng trong những tháng cuối năm 2012 và đầu năm 2013
01/CT-NHNN	31/01/2013	Về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2013
03/CT-NHNN	18/07/2013	Về các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng trong những tháng cuối năm 2013

Nguồn: NHNN

chủ động công bố định hướng điều hành tỷ giá với mức biến động không quá 2-3% trong năm nhằm kiểm soát kỳ vọng về sự mất giá của VND. Đồng thời, NHNN áp dụng chính sách lãi suất nhằm tạo lợi ích của việc đầu tư vào USD giảm xuống so với đầu tư vào tiền gửi VND, từ đó khuyến khích công chúng chuyển từ nắm giữ USD sang VND.

(ii) Phối hợp giữa hoạt động nghiệp vụ thị trường mở với kênh thị trường ngoại hối, kênh giao dịch vàng để điều tiết lượng tiền cung ứng. Để kiểm soát mức cung tiền, NHNN đã phối hợp hiệu quả các biện pháp khác như đấu thầu bán vàng cho các TCTD, thu nội tệ và thực hiện nghiệp vụ thị trường mở để hút lượng tiền dư thừa trong hệ thống.

(iii) Phối hợp và điều chỉnh các mức lãi suất chỉ đạo một cách chủ động, chuyển biến dần từ thụ động sang các điều chỉnh mang tính chủ động, định hướng cho thị trường.

*Kết quả sử dụng công cụ CSTT trong giai đoạn 2011-2013*

*Thứ nhất*, các biến số vĩ mô được duy trì ổn định, cụ thể:

- Tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức thấp và ổn định;
- Tăng trưởng kinh tế dần phục hồi mặc dù sức cầu còn yếu;
- Thị trường ngoại tệ và vàng đi vào ổn định;
- Tình trạng nợ xấu được kiểm soát, hệ thống TCTD đã đi vào hoạt động ổn định.

*Thứ hai*, hoạt động hệ thống

TCTD đi vào ổn định, thực hiện đúng lộ trình Cơ cấu lại hệ thống TCTD giai đoạn 2011-2015

- Hoạt động của hệ thống TCTD dần đi vào ổn định sau giai đoạn phải đối mặt với nhiều khó khăn về thanh khoản năm 2011 và rủi ro tín dụng tăng cao trong năm 2012.

- Tốc độ tăng nợ xấu giảm dần, nhiều biện pháp xử lý nợ xấu của ngành Ngân hàng đã đem lại kết quả đáng ghi nhận.

- Quá trình xử lý nợ xấu được gắn với quá trình cơ cấu lại hệ thống TCTD theo Quyết định 254/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Cơ cấu lại hệ thống TCTD giai đoạn 2011-2015.

*Thứ ba*, các kênh truyền tải CSTT được cải thiện. Hai kênh truyền dẫn phát huy tác dụng rõ nét trong giai đoạn này là kênh lãi suất và kênh tín dụng.

*Thứ tư*, cấu phần thị trường tiền tệ dần được thiết lập theo chuẩn mực với vai trò chủ đạo của TTLNH. TTLNH đi vào hoạt động ổn định, phát triển theo hướng bền vững hơn sau khi NHNN ban hành Thông tư số 21/2012/TT-NHNN.

*Một số khuyến nghị chính sách thời gian tới*

*Thứ nhất*, hạn chế tình trạng CSTK lấn át CSTT. Khi rơi vào tình trạng CSTK lấn át CSTT, mức độ độc lập của CSTT bị hạn chế, việc thực hiện các mục tiêu của CSTT, đặc biệt là mục tiêu ổn định giá cả, bị ảnh hưởng tiêu cực.

*Thứ hai*, phát triển thị trường trái phiếu, đặc biệt là thị trường TPCP, nhằm tạo kênh huy động

vốn chủ động cho ngân sách thay vì tạo áp lực lên CSTT. Thị trường trái phiếu phát triển mang lại nhiều ích lợi về cả mặt vĩ mô lẫn vi mô đối với công tác điều hành CSTT.

*Thứ ba*, đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu tại hệ thống TCTD. Ngày 18/5/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2013 về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của TCTD Việt Nam. Ngày 27/6/2013, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 1459/2013 về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC). Tuy nhiên, qua thực trạng nợ xấu tại Việt Nam và kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, để đảm bảo VAMC có thể xử lý nhanh chóng và toàn diện nợ xấu, cần có những quy định cụ thể về đặc điểm tổ chức và hoạt động của cơ quan này cũng như Việt Nam đang thiếu một môi trường pháp lý và kinh tế cho công tác xử lý nợ xấu. Ví dụ điển hình cho lập luận này là Việt Nam đang thiếu thị trường mua bán nợ phát triển cho việc xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm.

*Thứ tư*, phát triển TTLNH. TTLNH, đặc biệt là thị trường các khoản vay qua đêm, đóng vai trò quan trọng trong điều hành CSTT của bất kỳ ngân hàng trung ương nào. Ngoài việc là điểm khởi đầu cho quá trình truyền tải CSTT thì các mức lãi suất liên ngân hàng, đặc biệt là lãi suất qua đêm, là chỉ báo quan trọng cho điều hành

CSTT và đóng vai trò thông báo với thị trường định hướng điều hành CSTT. Đối với các TCTD, TTLNH có vai trò phân bổ thanh khoản từ phía NHNN cũng như từ thị trường giữa các TCTD, duy trì sự ổn định thanh khoản cho hệ thống.

### 2.2. Đối với chính sách tỷ giá

*NHNN tiếp tục thể hiện tính thận trọng nhưng linh hoạt và chủ động trong điều hành chính sách tỷ giá và thị trường ngoại hối*

- NHNN đã chủ động đưa ra những cam kết mạnh mẽ về ổn định tỷ giá từ đầu năm để thể hiện quyết tâm của cơ quan điều hành, ổn định tâm lý thị trường và định hình kỳ vọng về tỷ giá của công chúng.

- Tỷ giá bình quân liên ngân hàng (BQLNH) trong năm 2013 đã được điều chỉnh tăng 1% vào ngày 28/6/2013 sau một năm rưỡi được duy trì ổn định ở mức 20.828 VND/USD. Mặc dù sau thời điểm này, tỷ giá có biến động nhưng sau đó đã đi vào ổn định do NHNN đã kịp thời thực hiện một loạt các giải pháp hỗ trợ như bán tín phiếu (ước tính khoảng 38 nghìn tỷ đồng trong tháng 7) để rút tiền VND về và qua đó hạn chế các ngân hàng sử dụng vốn dư thừa để mua USD; hay NHNN cũng đã bán USD ra thị trường để đáp ứng nhu cầu thanh toán của khách hàng. Hơn nữa, dù chênh lệch lãi suất giữa các khoản vay bằng VND và USD đã giảm (còn khoảng 3-4%) nhưng các doanh nghiệp đã tăng bán USD khiến tỷ giá

tại các NHTM giảm nhiệt.

*Tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế đã giảm đáng kể, góp phần nâng cao tính hiệu lực trong điều hành CSTT quốc gia*

Mức độ đô la hóa nền kinh tế giảm được thể hiện tỷ lệ giữa tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán giảm từ trên 30% trong những năm 1990 xuống 15,8% cuối năm 2011 và khoảng 12,3% cuối năm 2012, đến cuối tháng 8/2013 còn khoảng 12%. Bên cạnh đó, tín dụng bằng ngoại tệ cũng giảm mạnh phù hợp với chủ trương chuyển quan hệ huy động, cho vay bằng ngoại tệ sang quan hệ mua, bán bằng ngoại tệ, giảm sức ép tín dụng bằng ngoại tệ và rủi ro liên quan đến chênh lệch giữa các loại tiền của hệ thống ngân hàng. Thực hiện Thông tư 14, các NHTM đồng loạt điều chỉnh giảm lãi suất huy động USD về mức trần quy định của NHNN là 0,25%/năm đối với tiền gửi của tổ chức và 1,25%/năm đối với tiền gửi của dân cư. Điều này đã khuyến khích người dân nắm giữ VND, giảm găm giữ ngoại tệ.

*Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, gấp hơn hai lần so với đầu năm 2012*

NHNN đã điều hành linh hoạt tỷ giá mua vào USD từ các TCTD theo hướng khuyến khích các TCTD bán ngoại tệ cho NHNN để tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước và điều chỉnh linh hoạt tỷ giá bán ra để can thiệp thị trường phù hợp với mục tiêu ổn định thị trường. Đồng thời, NHNN đã

kết hợp chặt chẽ với các công cụ của CSTT để điều hòa lượng tiền VND cung ứng khi mua ngoại tệ tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước nhằm không gây áp lực lên lạm phát và không ảnh hưởng đến điều hành tỷ giá. Năm 2012 đánh dấu sự tăng mạnh mẽ trở lại của dự trữ ngoại hối của Việt Nam. Tính cả năm 2012, NHNN đã mua vào khoảng hơn 10 tỷ USD, và tiếp tục mua dự trữ trong các tháng đầu năm 2013, nâng quy mô dự trữ ngoại hối quốc gia đạt khoảng 32 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối tiếp tục được đảm bảo sẽ là cơ sở tài chính vững vàng để NHNN can thiệp thị trường tiền tệ, giúp ổn định thị trường khi có những biến động lớn và là một yếu tố quan trọng giúp ổn định tỷ giá trong những tháng cuối năm 2013.

*NHNN đã thực hiện cương quyết những biện pháp kiểm soát thị trường tự do cũng như các biện pháp hạn chế tình trạng USD hóa và vàng hóa nền kinh tế, đặc biệt đối với thị trường vàng vốn là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến biến động tỷ giá các năm trước đây. Vì vậy, chênh lệch giữa tỷ giá chính thức và tỷ giá trên thị trường tự do đã được thu hẹp đáng kể. Đây có thể coi là thành công bước đầu của NHNN trong việc giữ ổn định tỷ giá, qua đó củng cố niềm tin của người dân về VND.*

Ngoài ra, hoạt động điều hành tỷ giá của NHNN trong thời gian vừa qua đã giúp giảm thiểu áp lực lạm phát, cũng

như áp lực tới trạng thái cân cân thanh toán của Việt Nam. Thêm vào đó, các bằng chứng phá giá tiền tệ không thể giải quyết tình trạng mất cân bằng trong cán cân thương mại của Việt Nam. Điều đó cho thấy hoạt động điều hành tỷ giá của NHNN trong giai đoạn vừa qua là hoàn toàn phù hợp.

*Một số khuyến nghị chính sách*

Từ những nhận định về diễn biến của các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá, nhóm nghiên cứu cho rằng, trong ngắn hạn (năm 2014), NHNN nên tiếp tục mục tiêu điều hành linh hoạt tỷ giá, bình ổn thị trường ngoại tệ, góp phần kiểm soát chặt chẽ lạm phát, bảo đảm sự bền vững của cán cân thanh toán quốc tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Trong trung và dài hạn, khi nền kinh tế bước vào giai đoạn ổn định, mục tiêu của chính sách tỷ giá cần được chuyển dần sang tạo điều kiện cho các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế phát triển. Theo định hướng này, về cơ chế tỷ giá, NHNN nên lựa chọn cơ chế tỷ giá ổn định trong ngắn hạn bởi bình ổn thị trường ngoại tệ, góp phần kiểm soát lạm phát, phòng ngừa nguy cơ lạm phát cao tái diễn gây bất ổn kinh tế vĩ mô vẫn là ưu tiên hàng đầu của Việt Nam trong giai đoạn này. Về công cụ điều hành tỷ giá, trong ngắn hạn vẫn cần duy trì việc can thiệp trên thị trường một cách linh hoạt (có thể mang tính hành chính) nhằm ổn định tâm lý thị trường nhanh. Trong dài hạn, NHNN

cần chuyển dần sang cơ chế tỷ giá linh hoạt hơn và sử dụng công cụ gián tiếp (ví dụ như lãi suất) nhiều hơn để tác động lên tỷ giá. Ngoài ra, NHNN cần xây dựng quy chế thông tin, thống kê, hệ thống hoá kịp thời số liệu luồng ngoại tệ ra-vào trong nước, từ đó dự báo về quan hệ cung- cầu trên thị trường để làm căn cứ điều hành chính sách tỷ giá và quản lý ngoại hối.

### **2.3. Đối với quản lý thị trường vàng**

*Những thành công*

Trong năm 2013, hoạt động quản lý thị trường vàng đã có những bước tiến quan trọng:

*Thứ nhất, bước đầu đạt được mục tiêu quản lý thị trường vàng góp phần kiểm soát các tỷ giá hối đoái và các chỉ số kinh tế vĩ mô liên quan.* Điều này cho thấy tác động tích cực của việc ban hành và thực hiện Nghị định 24/2012/NĐ-CP cũng như các giải pháp đồng bộ khác trong việc quản lý thị trường vàng. Đây là thời kỳ NHNN triển khai hai giai đoạn đầu tiên trong lộ trình chấm dứt tình trạng “vàng hóa” (*Giai đoạn 1: Xây dựng khuôn khổ pháp lý chặt chẽ để quản lý thị trường vàng; Giai đoạn 2: Chấm dứt hoạt động huy động và cho vay vốn bằng vàng của TCTD; Giai đoạn 3: Chuyển hoàn toàn quan hệ huy động, cho vay vốn bằng vàng sang quan hệ mua, bán vàng miếng*).

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, nhờ những chính sách đồng bộ đối với quản lý thị trường vàng, những cú sốc giá

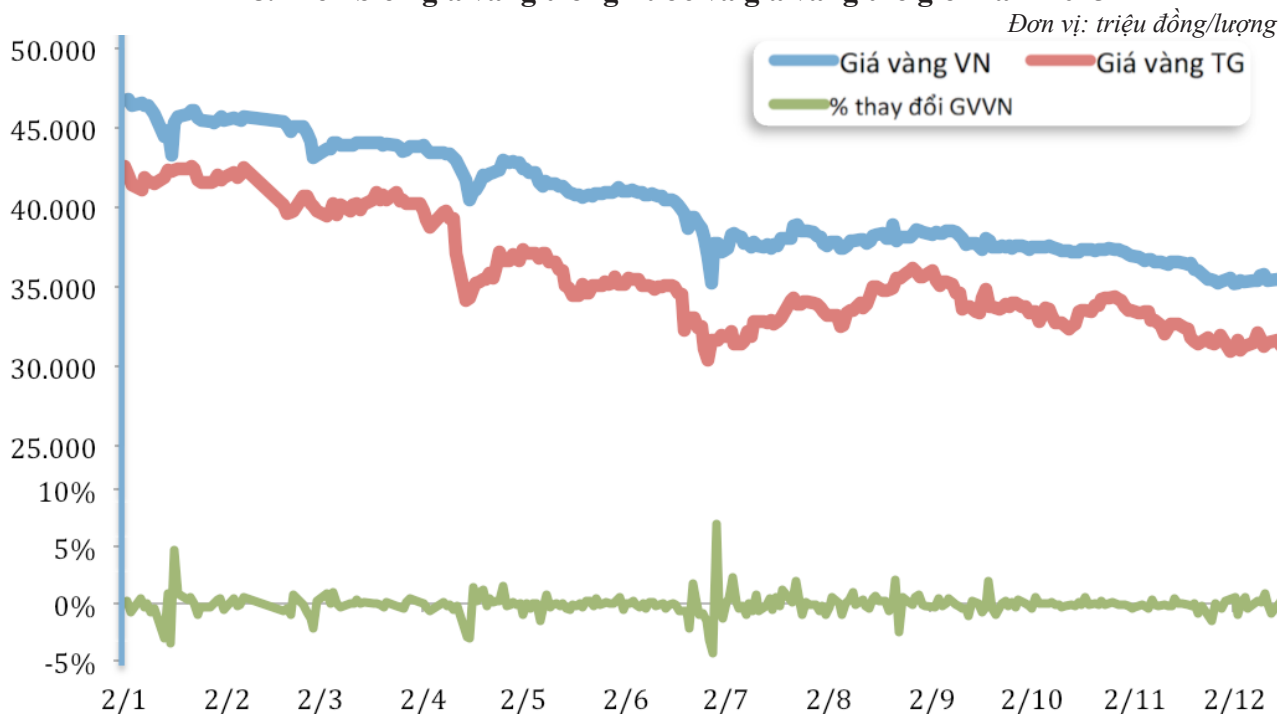
vàng đã không còn ảnh hưởng mạnh đến sự biến động của giá USD. Như vậy, mục tiêu quản lý thị trường vàng đảm bảo tránh các tác động tiêu cực đến các chỉ số kinh tế vĩ mô như tỷ giá, lạm phát đã bước đầu được hoàn thành.

*Thứ hai, bình ổn thị trường vàng Việt Nam trong điều kiện kinh tế vĩ mô bất ổn* (hỗ trợ hiệu quả cho các TCTD trong việc chấm dứt hoạt động huy động, cho vay vốn bằng vàng, ngăn ngừa tối đa hiện tượng đầu cơ làm giá, giảm tối thiểu khối lượng vàng nhập khẩu và tiết kiệm ngoại tệ cho Việt Nam, mang lại nguồn thu lớn cho ngân sách Nhà nước phục vụ nhiệm vụ an sinh xã hội).

So với quy mô nền kinh tế, Việt Nam được đánh giá là nước nhập khẩu nhiều vàng<sup>1</sup>. Tuy nhiên trong ba năm 2009, 2010 và 2011, lượng vàng nhập về giảm nhanh chóng nhưng lượng xuất vàng lại tăng đáng kể. Hệ quả là thị trường vàng Việt Nam sẽ bị thiếu hụt nguồn cung nghiêm trọng nếu yêu cầu các TCTD tắt toán tại thời điểm 30/4/2012. Việc NHNN sử dụng dự trữ ngoại hối bán vàng miếng can thiệp, tăng cung vàng miếng ra thị trường là cần thiết, đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Tính đến đầu tháng 7/2013, có 18 TCTD đã hoàn thành việc tắt toán số dư huy động vốn bằng vàng theo quy định. Tính từ 28/3/2013 đến 15/11/2013, NHNN đã tổ chức 70 phiên đấu thầu bán vàng

<sup>1</sup> Theo thống kê từ GFMS (Thomson Reuters)

**Hình 8. Diễn biến giá vàng trong nước và giá vàng thế giới năm 2013**



Nguồn: Doji.vn, Bullion-rates.com và tính toán của tác giả

miếng với tổng khối lượng trúng thầu là 1.725.700 lượng trên tổng số 1.837.000 lượng chào thầu (trong đó TCTD đã sử dụng gần 30 tấn để tất toán số dư huy động vốn bằng vàng, số còn lại được dùng để đáp ứng nhu cầu mua vàng miếng trên thị trường). Kết quả là, giá vàng tại Việt Nam trong cả năm 2013 là tương đối ổn định và hạn chế dần sự liên thông với giá vàng thế giới.

Kết quả này cho thấy, NHNN đã vận dụng thành công kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới trong việc quản lý thị trường vàng, qua đó rút ra những biện pháp cần thiết trong việc quản lý thị trường tại Việt Nam.

#### Những tồn tại và thách thức

Thách thức quan trọng nhất hiện nay là việc kiểm soát được tâm lý đầu cơ của một bộ phận dân cư là rất khó khăn. Biến

động giá vàng Việt Nam chịu tác động tâm lý rất cao từ phía nhà đầu cơ và một bộ phận dân cư.

Thách thức lớn thứ hai chính là việc nguy cơ nhập lậu vàng vẫn tiềm ẩn. Thực tế cho thấy, trong khi vàng miếng bị NHNN kiểm soát chặt thì việc mua bán, sản xuất vàng nữ trang, vàng nhẫn lại vẫn diễn ra khá phức tạp, nên vàng lậu có nhiều thị trường để tiêu thụ. Và dù giá những loại vàng này thấp hơn so với vàng miếng SJC nhưng với mức chênh lệch hiện tại, kinh doanh vàng lậu vẫn đảm bảo có lãi cao.

#### Một số khuyến nghị chính sách

(1) Đối với thị trường vàng miếng: Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp hoặc có liên quan đến quản lý hoạt động kinh doanh vàng miếng

nhằm thống nhất vai trò tổ chức sản xuất và quản lý kinh doanh vàng của NHNN theo đúng quy định. Căn cứ kinh nghiệm của Mỹ, nguyên tắc độc quyền sản xuất vàng miếng của NHNN phù hợp với bối cảnh thị trường vào thời điểm hiện tại, nó giúp tỷ giá VND/USD đi vào ổn định.

(2) Đối với thị trường vàng trang sức, mỹ nghệ: NHNN nên quy định chế tài cụ thể cho các trường hợp gian lận về tuổi vàng. Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban ngành khác như Tổng cục Du lịch, Bộ Công thương, Bộ Tài chính... để bước cắt giảm thuế nhập khẩu đá quý, kim loại màu, mở ra cơ chế thuận lợi cho các nhà sản xuất nữ trang.

(3) Đối với hạn chế tình trạng buôn lậu vàng: Sửa đổi Nghị định 95/2011/NĐ-CP, nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện

hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xuất nhập vàng theo đúng quy định. Cần tăng cường phối hợp giữa NHNN với Tổng cục Hải quan, Bộ Công thương để kiểm soát ngăn chặn tình trạng nhập lậu vàng. Bên cạnh đó, việc tăng cường chế tài xử phạt vi phạm đối với hành vi nhập lậu vàng, hành vi kinh doanh, mua bán vàng trái pháp luật là rất cần thiết trong ngắn hạn.

### 3. Hoạt động hệ thống TCTD Việt Nam trên chặng đường tái cơ cấu theo Quyết định 254/QĐ-TTg

Trong năm 2013, NHNN đã hoàn thành 28/28 mốc theo lộ trình đề ra của đề án 254. Thậm chí, có 14/17 mốc yêu cầu cần thực hiện giai đoạn 2015-2020 cũng đã được triển khai ngay trong năm 2013 và mang lại kết quả rất tích cực. Hơn thế, kết quả của mô hình DEA (Data envelopment analysis) và phương pháp stress test cũng cho thấy tính đúng đắn và kịp thời của đề án “Cơ cấu lại hệ thống TCTD giai đoạn 2011- 2015”. Cụ thể, kết quả từ mô hình DEA là bằng chứng rõ nét khi các thương vụ M&A thành công trong giai đoạn 2011- 2013 cũng như việc tái cấu trúc toàn diện các TCTD còn lại đã loại bỏ cơ bản nguy cơ đổ vỡ hệ thống. Bên cạnh đó, kinh nghiệm của Nhật và Đức cho thấy, sở hữu chéo là hệ quả tất yếu của nền kinh tế phát triển dựa chủ yếu trên nền tảng của hệ thống ngân hàng. Nghiên cứu cũng chỉ rõ các phương pháp xử lý sở hữu chéo

của Nhật và Đức, đồng thời sử dụng phương pháp đối chiếu theo thực tế Việt Nam để tìm ra giải pháp phù hợp. Kết quả cho thấy, cách làm của Việt Nam theo hướng “*thận trọng và có lộ trình đảm bảo xử lý đồng bộ, toàn diện nhưng có tính đến đặc điểm của từng TCTD*” là hợp lý và tránh tối đa những tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán cũng như các tập đoàn kinh tế liên quan. Đối với nội dung Nợ xấu của các TCTD, nhóm nghiên cứu đã phân tích 7 mô hình AMC trên thế giới đồng thời đối chiếu với thực tế Việt Nam. Kết quả cho thấy, mô hình VAMC là phương thuốc phù hợp và đúng liều lượng nhất trong điều kiện kinh tế Việt Nam hiện nay. Dựa trên dữ liệu báo cáo của các TCTD, nghiên cứu đã phác thảo tình hình nợ xấu 2013-2015 với 3 kịch bản. Theo đó, nếu thực hiện đúng theo các giải pháp mà Thống đốc đã ban hành thì chỉ đến 2015, với kịch bản xấu nhất, nợ xấu của toàn ngành Ngân hàng sẽ ở mức 3% theo mục tiêu của Đề án “Xử lý nợ xấu của hệ thống TCTD”. Hơn thế, việc lợi nhuận ngân hàng suy giảm trong năm 2013 cùng với các hoạt động hỗ trợ cho doanh nghiệp, hộ nông dân, người tiêu dùng đã cho thấy rõ “trách nhiệm xã hội” của ngành Ngân hàng đối với nền kinh tế. Các phân tích dưới đây sẽ làm rõ thêm các nhận định và kết quả nghiên cứu trên.

#### 3.1. Tình hình lợi nhuận của hệ thống NHTM

Điểm nổi bật của tình hình

lợi nhuận của hệ thống NHTM năm 2013 là lợi nhuận có sự phân hóa rõ nét khi vẫn tăng ở một số ít ngân hàng, còn suy giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước tại phần lớn ngân hàng, thể hiện kết quả tất yếu trong việc tăng trưởng tín dụng thấp, ứ đọng vốn, chi phí trích lập dự phòng cao, giảm lãi suất nhằm góp phần giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp và chia sẻ trách nhiệm xã hội của hệ thống ngân hàng.

Tỷ lệ sinh lời ROA, ROE toàn hệ thống cũng như của các ngân hàng tiếp tục suy giảm so với các năm trước. Tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng giảm so với năm trước trong khi cấu phần lãi từ hoạt động dịch vụ, kinh doanh ngoại hối và chứng khoán tăng lên. Tuy vậy, dù lợi nhuận có xu hướng giảm và nợ xấu gia tăng trong vài tháng lại đây, nhiều ngân hàng vẫn vượt chỉ tiêu kế hoạch từ đầu năm. Bên cạnh đó, nhóm Công ty tài chính và cho thuê tài chính có tỷ lệ sinh lời ROA và ROE đã được cải thiện.

Trên cơ sở những phân tích, đánh giá trên, nhóm nghiên cứu dự báo bức tranh lợi nhuận ngân hàng 2014 trong bối cảnh tái cơ cấu hệ thống TCTD giai đoạn 2014- 2015. Theo đó, các dự tính dự báo lợi nhuận của hệ thống NHTM Việt Nam được tính theo ba trường hợp tốt, trung bình và xấu. Trong trường hợp môi trường vĩ mô thuận lợi, mức độ lợi nhuận của toàn hệ thống tăng lên đáng kể (gấp khoảng 2 lần năm 2013), và giảm chút ít so với năm 2012

**Bảng 4. Dự tính lợi nhuận của hệ thống ngân hàng 2014**

Đơn vị: nghìn tỷ đồng

Kịch bản	2013	2014		
		Tốt	TB	Xấu
Tốc độ tăng VCSH		9,00%	8,50%	8,00%
Vốn chủ sở hữu	465,74	507,65	505,32	502,99
ROE	3,60%	3,60%	3,50%	3,40%
Lợi nhuận sau thuế trước xử lý nợ xấu	16,78	18,28	17,69	17,10
Sử dụng DPRR		80	70	60
Bán nợ cho VAMC		150	125	100
Cơ cấu nợ bán cho VAMC (nhóm 3,4,5 tương ứng)		10%	20%	20%
		10%	20%	30%
		80%	60%	50%
Chênh lệch dự phòng ngân hàng được lợi(5)		100,50	67,50	49,00
Lợi nhuận sau thuế sau xử lý nợ xấu		33,65	15,81	8,85

trong trường hợp bình thường. Còn trường hợp xấu nhất, khi hệ thống ngân hàng chỉ bán được 100 nghìn tỷ đồng nợ xấu cho VAMC trong khi trích lập dự phòng rủi ro (DPRR) để xử lý nợ xấu cũng chỉ đạt 60 nghìn tỷ thì lợi nhuận cả hệ thống sẽ đạt gần 9 nghìn tỷ đồng.

### 3.2. Thực trạng xử lý nợ xấu của hệ thống TCTD và một số khuyến nghị chính sách

*Đánh giá các biện pháp xử lý nợ xấu trong bối cảnh tái cơ cấu hệ thống TCTD giai đoạn 2012- 2013*

*Thứ nhất, NHNN đã thiết lập và triển khai một cơ chế xử lý và kiểm soát nợ xấu trong toàn bộ hệ thống TCTD*

NHNN đã ban hành nhiều văn bản riêng biệt điều chỉnh công tác xử lý nợ xấu và các văn bản định hướng hoạt động các TCTD có liên quan tới công tác xử lý nợ xấu, tạo môi trường thuận lợi cho xử lý và hạn chế nợ xấu phát sinh. Bên cạnh việc yêu cầu TCTD thực hiện nghiêm túc thu hồi nợ xấu,

ơ cấu lại nợ, tiết giảm chi phí, tích cực phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng DPRR để xử lý nợ xấu, NHNN còn yêu cầu các TCTD đánh giá chính xác thực trạng nợ xấu, chuẩn bị các kế hoạch để chủ động xử lý nợ xấu khi áp dụng Thông tư số 02/2013/TT-NHNN vào 01/6/2014 (Bảng 5).

Nhìn chung, NHNN đã tạo dựng được một môi trường để xử lý nợ xấu không chỉ ở thời điểm hiện tại mà còn hạn chế nợ xấu phát sinh trong tương lai. Nhờ đó, hệ thống TCTD có được định hướng và các chỉ đạo, cũng như những hướng dẫn cụ thể về xử lý nợ xấu và kiểm soát chất lượng tín dụng.

*Thứ hai, thành lập và đưa vào hoạt động Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam*

Việc thành lập và đưa vào hoạt động VAMC là một giải pháp phù hợp trong bối cảnh nợ xấu trong hệ thống TCTD tăng cao và bản thân hệ thống TCTD không đủ nguồn lực để xử lý nợ xấu, bảo đảm tiến

độ và hiệu quả của quá trình tái cơ cấu lại hệ thống TCTD theo Quyết định 254/QĐ-TTg. Xuất phát từ kinh nghiệm quốc tế, kết hợp với thực trạng nền kinh tế Việt Nam hiện nay, Nghị định số 53/2013/NĐ-CP đã quy định áp dụng cả hai phương thức mua nợ xấu của TCTD tại VAMC theo giá trị ghi sổ bằng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành hoặc theo giá trị trường bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt đối với một số khoản nợ xấu đáp ứng được điều kiện đặt ra.

Về việc sử dụng trái phiếu đặc biệt để mua lại nợ xấu từ các TCTD, đây là một cách làm phù hợp với thực tiễn Việt Nam hiện nay khi nguồn xử lý nợ xấu không nhiều, đặc biệt là theo nguyên tắc huy động mọi nguồn lực trong xã hội để xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD và hạn chế sử dụng vốn ngân sách cho việc xử lý nợ xấu. Theo đó, các TCTD sẽ chủ động bán nợ xấu cho VAMC; đổi lại, TCTD nhận trái phiếu đặc biệt với hai đặc điểm chính là có thể dùng để vay tái cấp vốn từ NHNN và hàng năm phải trích lập DPRR theo tỷ lệ không thấp hơn 20% mệnh giá. Trái phiếu đặc biệt sẽ bảo đảm nguồn vốn cho các TCTD khi có thể tái cấp vốn tại NHNN để tiếp tục cấp tín dụng cho nền kinh tế, phù hợp với mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp, đặt trong tổng thể chương trình tái cơ cấu nền kinh tế. Điều này sẽ bảo đảm được trách nhiệm và nguồn xử lý nợ xấu sẽ phù hợp với nguyên tắc TCTD và khách

**Bảng 5. Các văn bản được NHNN ban hành liên quan đến công tác xử lý và kiểm soát nợ xấu giai đoạn 2012- 2013**

Văn bản	Ngày ban hành	Tên văn bản
CT 01/CT-NHNN	13/02/2012	Về tổ chức thực hiện CSTT và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2012
QĐ 780/QĐ-NHNN	23/04/2012	Về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ
CT 06/CT-NHNN	09/11/2012	Về các giải pháp điều hành CSTT, tín dụng và hoạt động ngân hàng trong những tháng cuối năm 2012 và đầu năm 2013
VB 7789/NHNN - TTGSNH	27/11/2012	Về trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro
TT 02/2013/TT-NHNN	21/01/2013	Về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập DPRR và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh NHNNg
CT 01/CT-NHNN	31/01/2013	Về tổ chức thực hiện CSTT và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2013
TT 12/2013/TT - NHNN	27/05/2013	Sửa đổi một số điều của TT số 02/2013/TT - NHNN ngày 21/01/2013
CT 03/CT-NHNN	18/07/2013	Về các giải pháp điều hành CSTT, tín dụng và hoạt động ngân hàng trong những tháng cuối năm 2013
CT 04/CT-NHNN	24/09/2013	Về việc phân loại nợ đối với nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xử lý nợ xấu
VB 8421/NHNN - TTGSNH	12/11/2013	Về việc triển khai thực hiện Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 31/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ
VB 8896/NHNN - TTGSNH	29/11/2013	Về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro của các tổ chức tín dụng

Nguồn: NHNN

hàng vay phải chịu trách nhiệm chính về các khoản nợ xấu phát sinh và chia sẻ tổn thất trong việc xử lý nợ xấu.

*Thứ ba, yêu cầu các TCTD đánh giá lại chất lượng các khoản nợ, tăng cường trích lập và sử dụng DPRR để xử lý nợ xấu*

Ngày 27/11/2012, NHNN đã ban hành Văn bản số 7789/NHNN-TTGSNH về việc trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. Theo đó, NHNN yêu cầu các TCTD chủ động phân loại nợ theo đúng quy định của NHNN, đánh giá khả năng thu hồi nợ từ xử lý tài sản bảo đảm, chủ động trích lập DPRR và cắt giảm chi phí,

điều chỉnh lợi nhuận nhằm tạo nguồn xử lý nợ xấu ngay trong năm 2012 và các năm tiếp theo.

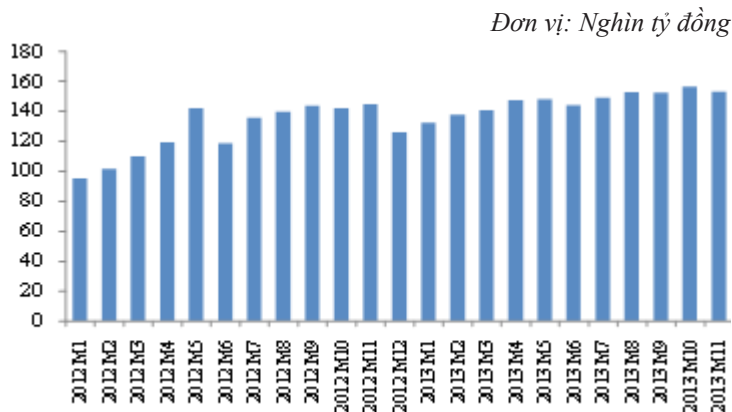
*Thứ tư, yêu cầu các TCTD cơ cấu lại nợ và tích cực thu hồi nợ xấu, hỗ trợ khách hàng khắc phục khó khăn và phục hồi*

Thực hiện chủ trương xử lý nợ xấu gắn với tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP và Đề án *Xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD*, các TCTD đã chủ động phối hợp với khách hàng để cơ cấu lại nợ và xem xét miễn, giảm lãi suất một cách hợp lý cho khách hàng có triển vọng phục hồi. Biện pháp này nhằm mục

đích giảm bớt khó khăn về tài chính tạm thời, tạo cơ hội cho các khách hàng khôi phục và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó tạo nguồn thu mới để trả nợ cho các TCTD.

Thực hiện chủ trương này, NHNN đã ban hành Quyết định số 780/QĐ-NHNN ngày 23/4/2012 về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Theo đó, NHNN cho phép các TCTD khi cơ cấu lại nợ (bao gồm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ) đối với các khoản nợ có triển vọng phục hồi tích cực được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại

**Hình 9. Nợ xấu của hệ thống các TCTD giai đoạn 2008- 2013**



Nguồn: NHNN

trước khi cơ cấu lại nợ. Ngoài ra, trong Chỉ thị 06/2012/CT-NHNN ngày 09/11/2012, NHNN cũng nhấn mạnh các TCTD tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp hạn chế nợ xấu gia tăng; không được lợi dụng các quy định về cơ cấu lại nợ và các biện pháp nghiệp vụ khác để che giấu nợ xấu hoặc làm sai lệch chất lượng tín dụng.

*Kết quả đạt được trong công tác xử lý nợ xấu và một số thách thức*

Các biện pháp xử lý nợ xấu trên được thực hiện đồng bộ, chủ động tận dụng các nguồn nội lực, phù hợp với điều kiện của đất nước, gắn với cơ cấu lại hệ thống TCTD bước đầu đã mang lại những kết quả tích cực.

*Thứ nhất*, tốc độ tăng nợ xấu đã giảm đi đáng kể so với giai đoạn trước, quy mô nợ xấu được duy trì ở mức tương đối ổn định;

*Thứ hai*, các biện pháp xử lý nợ xấu đã mang lại hiệu quả tích cực trong việc kiểm soát và xử lý nợ xấu.

Mặc dù vậy, công tác xử lý nợ xấu của hệ thống TCTD vẫn phải đối mặt với một số thách thức:

*Thứ nhất*, dù hệ thống TCTD đã triển khai đồng loạt nhiều biện pháp nhằm xử lý nợ xấu nhưng quy mô nợ xấu vẫn tiếp tục gia tăng;

*Thứ hai*, tăng cường trích lập và sử dụng DPRR làm hoạt động kinh doanh của hệ thống TCTD giảm, không phải là nguồn bền vững;

*Thứ ba*, số liệu nợ xấu theo kết quả thanh tra, giám sát của NHNN luôn cao hơn số liệu do hệ thống TCTD báo cáo;

*Thứ tư*, chưa có nhiều biện pháp xử lý nợ xấu triệt để được thực hiện;

*Thứ năm*, thực tiễn xử lý tài sản bảo đảm gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

*Một số khuyến nghị đối với xử lý nợ xấu trong thời gian tới*

Nhóm nghiên cứu đưa ra một số dự báo về tình hình nợ xấu của hệ thống TCTD giai đoạn 2014- 2015, trên cơ sở đó, các kế hoạch và nguồn xử lý nợ xấu phù hợp được xác định và

triển khai để hướng tới mục tiêu đưa tỷ lệ nợ xấu về mức 3% vào cuối năm 2015 theo đúng như tinh thần của Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011- 2015 và Đề án Xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD (Bảng 6).

Dù với kịch bản nào trong hai kịch bản trung bình và kịch bản xấu thì toàn thể ngành Ngân hàng vẫn cần phải nỗ lực thực hiện kịp thời, đồng bộ, sáng tạo và hiệu quả các biện pháp đã nêu trong Đề án Xử lý nợ xấu hệ thống các TCTD và Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011- 2015 mới có thể bảo đảm được thành công trong công tác xử lý nợ xấu, hướng tới mục tiêu đưa tỷ lệ nợ xấu về mức 3% vào cuối năm 2015.

Để thực hiện nhiệm vụ này, trong thời gian tới, ngành Ngân hàng cần tập trung vào một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, hoàn thiện hoạt động mua và xử lý nợ xấu của VAMC;

*Thứ hai*, NHNN tăng cường công tác thanh tra, giám sát ngân hàng đối với công tác bảo đảm chất lượng tín dụng, xử lý nợ xấu;

*Thứ ba*, hệ thống TCTD chủ động xử lý nợ xấu và kiểm soát chất lượng tín dụng, hạn chế nợ xấu phát sinh trong tương lai;

*Thứ tư*, Chính phủ cần hoàn thiện hệ thống pháp lý về xử lý tài sản bảo đảm;

*Thứ năm*, xử lý nợ xấu gắn với cơ cấu lại triệt để các doanh nghiệp có nợ xấu.

### 3.3. Xử lý sở hữu chéo trong

**Bảng 6. Kế hoạch xử lý nợ xấu năm 2014- 2015**

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng

	Năm 2013	Ước tính năm 2014	Ước tính năm 2015		
			Tốt	TB	Xấu
Tốc độ tăng trưởng nợ xấu trung bình hàng tháng	2,2%	2,0%	1,5%	1,8%	2,0%
Quy mô nợ xấu trước khi xử lý nợ xấu	164	323	147	228	313
Tăng trưởng dư nợ tín dụng	10,0%	14,0%	14,0%	13,0%	12,0%
Dư nợ trước khi xử lý nợ xấu	3,399	3,810	4,115	4,064	4,013
Tỷ lệ nợ xấu trước khi xử lý nợ xấu	4,8%	8,5%	3,6%	5,6%	7,8%
Quy mô các khoản nợ giữ nguyên nhóm nợ khi cơ cấu lại	330,9	377,0			
Tỷ lệ nợ xấu trong các khoản nợ giữ nguyên nhóm nợ khi cơ cấu lại		50%			
Quy mô nợ xấu (cơ cấu lại) khi Quyết định 780/QĐ-NHNN hết hiệu lực		188,5			
Tỷ lệ nợ xấu phát sinh khi áp dụng TT 02/2013					
Quy mô nợ xấu phát sinh khi áp dụng TT 02/2013					
Sử dụng DPRR để xử lý nợ xấu	33,3	60		50	40
Bán nợ xấu cho VAMC	24	140		30	125
Tỷ lệ nợ xấu thu hồi được từ xử lý TSBD			15%	13%	10%
Quy mô nợ xấu thu hồi được từ xử lý TSBD			22,1	28,5	31,3
Quy mô nợ xấu sau khi xử lý	106,3	123,4	125,4	119,4	116,8
Dư nợ tín dụng sau khi xử lý	3,342	3,610	4,115	3,984	3,848
Tỷ lệ nợ xấu sau khi xử lý	3,2%	3,4%	3,0%	3,0%	3,0%

Nguồn: Tính toán của tác giả

### **hệ thống NHTM Việt Nam**

Tại Việt Nam, hiện tượng sở hữu chéo đã hình thành từ giai đoạn phát triển mạnh mẽ của hệ thống TCTD những năm 2006- 2007 và cho tới nay, sở hữu chéo đã có xu hướng diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhận thức được tác động tiêu cực của sở hữu chéo đối với an toàn hoạt động của từng TCTD nói riêng, an toàn của hệ thống TCTD nói chung, và đặc biệt là những cản trở của sở hữu chéo đối với quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD, NHNN đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm xử lý sở hữu chéo, gắn với quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD.

Nhìn về mặt tổng thể của quá trình xử lý sở hữu chéo được NHNN triển khai từ năm 2011

cho tới nay, các biện pháp được NHNN triển khai theo một hệ thống gồm ba nhóm đan xen, hỗ trợ lẫn nhau:

*Nhóm 1:* Đánh giá tình trạng sở hữu chéo tại hệ thống TCTD. NHNN đã xác định sở hữu chéo là một hiện tượng tất yếu tại hầu hết hệ thống tài chính trên thế giới, đặc biệt là tại các hệ thống tài chính phụ thuộc nhiều vào hệ thống ngân hàng như Nhật Bản, Đức, Ý, Trung Quốc, Indonesia.... Nhận thức được vấn đề này và học hỏi kinh nghiệm quốc tế, NHNN đã tiến hành công tác thanh tra, giám sát toàn diện các TCTD nhằm rà soát và phát hiện các trường hợp sở hữu chéo; một trong số các biện pháp là yêu cầu các TCTD báo cáo chi tiết về tình hình cổ đông để có cái

nhìn chính xác nhất về hiện tượng sở hữu chéo đang tồn tại trong hệ thống. Đồng thời, NHNN cũng phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Chứng khoán để theo dõi, giám sát và nhận diện các giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán liên quan tới sở hữu chéo.

*Nhóm 2:* Xây dựng khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách và triển khai các biện pháp giám sát, ngăn ngừa sở hữu chéo gia tăng. Cơ quan quản lý Nhà nước và NHNN đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp xử lý sở hữu chéo gắn với tái cơ cấu hệ thống TCTD theo các giải pháp được xác định trong Đề án cơ cấu lại hệ thống TCTD.

*Nhóm 3:* Triển khai các biện pháp xử lý toàn diện và dứt

**Bảng 7. Các thương vụ M&A ngân hàng tại Việt Nam giai đoạn tái cấu trúc hệ thống NH**

Năm	Công ty thực hiện M&A	Công ty mục tiêu	Tổ chức hậu M&A	Hình thức	Tỷ lệ nắm giữ		Giá trị
					Tiền M&A	Hậu M&A	
2011	IFC	NHTM CP Công thương Việt Nam	-NA-	Mua bán	0%	10%	186 triệu USD
2011	BNP Paribas	NHTM CP Phương Đông	-NA-	Mua bán	15%	20%	270 tỷ VND
2011	CTCP sản xuất, thương mại Thành Thành Công	NHTM CP Sài Gòn Thương Tín	-NA-	Mua bán	0,46%	2,1%	15 triệu cổ phiếu (174 tỷ VND)
2011	Commonwealth Bank	NHTM CP Quốc tế	-NA-	Mua bán	15%	20%	1.150 tỷ VND
2011	United Oversea Bank	NHTM CP Phương Nam	-NA-	Mua bán	15%	20%	11.3 triệu USD
2011	Mizuho Bank	NHTM CP Ngoại thương Việt Nam	-NA-	Mua bán	0%	15%	567,3 triệu USD
2011	NHTM CP Đệ Nhất NHTM CP Tín Nghĩa NHTM CP Sài Gòn		NHTM CP Sài Gòn	Hợp nhất	-NA-	-NA-	-NA-
2011	NHTM CP Liên Việt	Công ty Tiết kiệm bưu điện	NHTM CP Bưu điện Liên Việt	Sáp nhập	0%	100%	997 tỷ VND
2012	Doji Group	NHTM CP Tiên Phong	-NA-	Mua bán	15%	20%	30 triệu USD
2012	Tập đoàn Thiên Thanh	NHTM CP Đại Tín	-NA-	Mua bán	0%	9.67%	4,500 tỷ VND
2012	Viettel	NHTM CP Quân đội	-NA-	Mua bán	11%	19%	50 triệu USD
2012	Fullenton Financial Holdings	NHTM CP Phát triển Mekong	-NA-	Mua bán	15%	20%	
2012	Maritime Bank	NHTM CP Phát triển Mekong Quân đội					15.228.000 cổ phần
2012	The Tokyo – Mitsubishi Banking Corporation	NHTM CP Công thương Việt Nam	-NA-	Mua bán	0%	20%	743 triệu USD
2012	NHTMCP Sài Gòn – Hà Nội	NHTM CP Nhà Hà Nội	NHTM CP Sài Gòn – Hà Nội	Sáp nhập	0%	100%	193 triệu USD
2013	NHTMCP Phương Tây	Tổng công ty CP tài chính dầu khí	NHTM CP Đại chúng	Hợp nhất			
2013	NHTMCP Phát triển Nhà TP. Hồ Chí Minh (HD bank)	NHTM CP Đại Á	HD bank	Sáp nhập			

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu

điểm tình trạng sở hữu chéo. NHNN đã triển khai đồng loạt nhiều biện pháp nhằm xử lý triệt để sở hữu chéo tại một số TCTD, và cải thiện môi trường hoạt động tại hệ thống TCTD nhằm hạn chế sở hữu chéo phát

sinh trong tương lai. Một trong những giải pháp cơ bản và hiệu quả nhất để xử lý triệt để sở hữu chéo là yêu cầu các TCTD trong liên minh trong sở hữu chéo tiến hành hợp nhất đã được NHNN thực hiện (giải pháp số

20, 26, 28, 41 trong hệ thống các giải pháp theo tinh thần Đề án 254). Đơn cử hai trường hợp là việc NHTMCP Sài Gòn được hợp nhất từ 03 ngân hàng gồm NHTMCP Sài Gòn, NHTMCP Đệ Nhất, NHTMCP

**Bảng 8. Các vụ thoái vốn khỏi các NHTM Việt Nam giai đoạn tái cấu trúc**

Năm	Bên thoái vốn	Bên bị thoái vốn	Giá trị
2011	Vietcombank	NHTMCP Gia Định	Toàn bộ 30% vốn chủ sở hữu
2012-2013	Các cổ đông lớn	STB	Ước tính 20- 30% vốn điều lệ
2012	Nguyễn Thị Kim Thanh (cá nhân)	NHTMCP Nam Việt	Toàn bộ 14,8 triệu cổ phiếu, tương ứng 4,98% vốn chủ sở hữu
2012	Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	NHTM CP Phương Đông	12,14 triệu cổ phiếu
2012	Công ty cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	NHTM CP Phương Tây	Toàn bộ 18,81 triệu cổ phiếu
2012	Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	NHTM CP Phương Tây	Toàn bộ 26,55 triệu cổ phiếu
2012	Công ty Chứng khoán ACBS	Nhiều NHTM CP	147,48 triệu cổ phiếu
2013	OCBC	NHTM CP Việt Nam Thịnh Vượng	Toàn bộ 14.88% cổ phần, tương đương 85.83 triệu cổ phần
2013	Vietnam Airlines	NHTM CP Kỹ Thương Việt Nam	24 triệu cổ phần, tổng giá trị 259,56 tỉ đồng.

*Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu*

Việt Nam Tín Nghĩa và trường hợp thứ hai là giữa Sacombank và Eximbank. Theo kế hoạch, trong 5 năm tới, hai ngân hàng trên sẽ tự nguyện sáp nhập với nhau nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, cũng như giảm tình trạng sở hữu chéo (Sacombank nắm giữ 4,54% cổ phần của Eximbank và Eximbank nắm 9,73% của Sacombank). Giải pháp này không những gắn liền với mục tiêu cơ cấu lại hệ thống TCTD Việt Nam với giải pháp khuyến khích các TCTD sáp nhập, hợp nhất, mua lại tự nguyện mà cũng phù hợp với kinh nghiệm quốc tế về xử lý sở hữu chéo tại Nhật Bản và Đức với nhiều trường hợp sáp nhập, hợp nhất giữa các NHTM (như trường hợp của Dai-ichi Kangyo Bank, Fuji Bank và Industrial Bank of Japan, thành lập nên Mizuho Holding Company vào tháng 9/2000).

Các biện pháp xử lý sở hữu chéo thông qua hoạt động sáp

nhập, thoái vốn mà NHNN cho phép triển khai là toàn phù hợp với thực tiễn. Điều này tránh được việc tạo ra những cú sốc từ phía cung trên thị trường chứng khoán, làm giảm giá trị cổ phiếu, ảnh hưởng tiêu cực tới quyền lợi của cổ đông, cũng như khắc phục được khó khăn khi lượng cổ phần mà các doanh nghiệp Nhà nước cần thoái là tương đối lớn, tiềm ẩn nguy cơ không thành công và gây mất an toàn hoạt động.

### **3.4. Tình hình mua bán sáp nhập trong hệ thống NHTM Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách**

#### **Thực trạng tình hình mua bán sáp nhập và thoái vốn**

Tình hình mua bán sáp nhập trong hệ thống tài chính ngân hàng Việt Nam trở nên sôi động hơn trong quá trình thực hiện Đề án Tái cơ cấu hệ thống các TCTD.

Trong giai đoạn đầu tái cấu trúc, các đối tác nước ngoài, mà trực tiếp là các định chế

tài chính nước ngoài đã trở thành cổ đông chiến lược, cổ đông lớn của các ngân hàng, giúp đẩy nhanh tốc độ và hiệu quả của quá trình tái cấu trúc. Tính đến nay, có gần 20 tổ chức nước ngoài giữ 10-20% cổ phần trong các NHTM Việt Nam. Trong đó, cũng như nhiều ngành khác, đối với ngành ngân hàng, Nhật Bản là quốc gia dẫn đầu trong việc tham gia vào các thương vụ M&A ngân hàng tại Việt Nam có yếu tố nước ngoài.

Cũng trong quá trình này, hình thức thoái vốn khỏi một số NHTM cũng đã được triển khai theo chỉ đạo của Chính phủ.

#### **Đánh giá tính hiệu quả trong hoạt động M&A**

Phương pháp được sử dụng trong đánh giá hiệu quả của một thương vụ M&A chia làm hai nhóm: (i) Đánh giá sau khi M&A; (ii) đánh giá hiệu suất hoạt động, sau đó, hoặc là sử dụng các chỉ số tài chính hoặc là

**Bảng 9. Kết quả mô hình DEA sử dụng chỉ số Malquist**

DMU	Pre-M&A					Post-M&A				
	EFFCH	TECHCH	PECH	SECH	TFPCH	EFFCH	TECHCH	PECH	SECH	TFPCH
OCB	0.824	0.953	0.932	1.02253	0.78527	1.02	0.965	1.062	0.90866	0.9843
STB	0.944	0.788	0.827	0.95284	0.74387	1.008	1.019	0.923	1.10401	1.02715
LVB	0.971	0.815	1.034	0.7882	1.03587	1.105	1.052	0.954	1.10273	1.16246
SHB	0.839	1.189	1.202	0.98918	0.99757	1.0239	1.203	0.875	1.37486	1.23175
VIB	0.797	0.628	0.877	0.71608	0.50052	1.098	1.117	0.882	1.26644	1.22647
VCB	0.942	1.000	0.993	0.91435	1.02436	1.2402	1.2580	1.023	1.2535	1.0112
CTG	0.9245	0.92478	0.899	0.97265	1.01558	1.1536	1.004	1.2825	1.2580	1.21453

*Nguồn: Kết quả được xuất từ phần mềm MaxDEA pro 6.0*

sử dụng hàm chi phí/lợi nhuận thông qua mô hình DEA. Bằng phương pháp đánh giá hiệu suất hoạt động, mô hình DEA sử dụng chỉ số Malmquist, kết quả thu được ở Bảng 9.

Các ngân hàng, ngoại trừ SHB, CTG, VCB, đều có mức thay đổi năng suất các nhân tố tổng hợp, thay đổi hiệu quả kỹ thuật giảm (EFFCH < 1; TFPCH < 1) ở thời kỳ trước M&A; song đều đổi chiều ở thời kỳ hậu quá trình này khi (EFFCH > 1). Điều này cho thấy rằng M&A đã mang lại những giá trị lợi ích thực tiễn cho hoạt động ngân hàng. Hơn nữa, nghiên cứu cũng cho thấy sự gia tăng lớn hơn cả của mức thay đổi hiệu quả quy mô SECH, càng khẳng định tác động tích cực của các thương vụ M&A trong việc củng cố năng lực hoạt động của các ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn tái cấu trúc. Tuy nhiên, mặc dù dấu biến thiên có thay đổi từ nhỏ hơn sang lớn hơn (so với 1), song mức độ biến thiên lại rất đa dạng. Chiều biến thiên dương của các ngân hàng vốn có nền tảng “sức khỏe” tốt cao hơn hẳn so với các ngân hàng yếu kém tiền M&A, cho thấy

giá trị cộng hưởng của M&A còn tác động mạnh mẽ hơn nữa nếu có chất xúc tác của một môi trường kinh tế thuận lợi. Trong khi đó, với những ngân hàng kém lành mạnh hơn, sự thay đổi dường như không đáng kể, đặc biệt chỉ số PECH có tăng, nhưng không vượt qua được mốc 1 với đại đa số các DMU.

### ***Triển vọng về M&A ngân hàng tại Việt Nam còn rất lớn***

Nếu chưa xét đến hiệu quả toàn diện nhất thì quy mô của hoạt động M&A ngân hàng có thể nói đã làm tròn vai trong giai đoạn I của tái cấu trúc khi từng bước củng cố an toàn hệ thống. Bước sang giai đoạn mới, đáp ứng đòi hỏi cao hơn của xu thế phát triển một hệ thống ngân hàng đa dạng về dịch vụ, phát triển chất lượng và nâng cao vị thế trên trường khu vực và quốc tế, hàng loạt các dự án M&A đã được phối thai và đang triển khai. Trong đại hội của NHTMCP Hàng Hải (MaritimeBank) hôm 24/4/2013, cổ đông đã thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) quyết định góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác

giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ. Tại hai NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) và Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), sau khi lên tiếng vào hồi cuối tháng 01/2013 về khả năng sáp nhập trong 3- 5 năm tới, cổ đông cũng đã thông qua việc ủy quyền cho HĐQT nghiên cứu việc sáp nhập với TCTD khác là NHTM. Ngoài ra, các NHTMCP khác gồm NHTMCP Quân Đội, NHTMCP An Bình, NHTMCP Đông Á cũng không giấu diếm việc đang tìm kiếm những đối tác nước ngoài phù hợp nhằm thực hiện chủ trương tái cấu trúc nền kinh tế nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng của Chính phủ. Việc nói lỏng các quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng là xu hướng tất yếu trong quá trình tự do hóa thị trường tài chính hiện nay. Tuy nhiên, điều này cũng tồn tại những mặt trái nhất định như: Làm cho hệ thống tài chính trong nước phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn lực bên ngoài, nguồn vốn ngoại đổ vào lớn có thể làm cho thị trường tài chính khó kiểm soát, các nhà đầu tư nước ngoài có thể dễ dàng hơn trong việc lợi

**Bảng 10. So sánh các mặt tích cực và tiêu cực của các kịch bản nói room**

Nói room lên 40%		Nói room lên 49%	
Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tiêu cực
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung nguồn lực nước ngoài để tái cơ cấu hệ thống ngân hàng.</li> <li>- Ngân hàng Việt Nam có thêm vốn hoạt động, nâng cao kỹ năng quản trị, được chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Nhà đầu tư nước ngoài có điều kiện nâng cao sự chủ động trong điều hành và quản trị ngân hàng.</li> <li>- Tăng cường minh bạch thông tin.</li> <li>- Thể hiện cam kết của Việt Nam khi tham gia WTO.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn lực được bổ sung ở mức giới hạn sở hữu này có thực sự phát huy được hiệu quả vẫn là câu hỏi đặt ra.</li> <li>- Nhà đầu tư nước ngoài kém quan tâm khi tỷ lệ sở hữu không được như mong đợi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung nguồn lực lớn hơn cho tái cơ cấu hệ thống ngân hàng.</li> <li>- Ngân hàng Việt Nam có thêm nguồn vốn hoạt động lớn hơn, nâng cao kỹ năng quản trị, được chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Nhà đầu tư nước ngoài nâng cao được sự chủ động tham gia vào điều hành và quản trị ngân hàng.</li> <li>- Tăng cường minh bạch thông tin.</li> <li>- Thể hiện cam kết của Việt Nam khi tham gia WTO.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cú sốc dòng vốn ngoài có khả năng gây tổn hại thị trường nội địa.</li> <li>- Năng lực điều hành, quản trị hoạt động ngân hàng của Việt Nam còn cách biệt khá lớn với các nhà đầu tư nước ngoài.</li> <li>- Ngân hàng Việt phụ thuộc nhiều vào nhà đầu tư ngoại-&gt; Rủi ro bị các nhà đầu tư nước ngoài chi phối hệ thống tài chính.</li> </ul>

*Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp*

dụng kế hở của các quy định pháp luật nhằm thu tóm ngân hàng nội địa... Từ đó đặt ra những câu hỏi như nói lỏng giới hạn sở hữu cho nhà đầu tư nước ngoài bao nhiêu là hợp lý, nói cho những đối tượng nào và lộ trình thực hiện ra sao?

**Khuyến nghị chính sách**

*Thứ nhất*, cần dỡ bỏ những rào cản pháp lý không cần thiết. Ở Việt Nam, ngay cả một giao dịch mua bán giá trị không lớn cũng chịu sự chi phối của hàng loạt các luật khác nhau: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Chứng khoán, Luật Ngân hàng, Luật Mua bán tài sản, Luật Nhà đất... chưa kể đến những thông tư, nghị định được ban hành. Quy trình này có thể tiêu tốn của các nhà đầu tư khoảng thời gian và chi phí không nhỏ. Hơn nữa, một rủi ro pháp lý hay vướng phải của các nhà đầu tư tại Việt Nam là việc phân

định rạch ròi giữa thu tóm hợp pháp hay thao túng giá cổ phiếu. Ngoài ra, văn bản pháp quy còn bỏ ngỏ sự hình thành các công ty độc quyền sau khi sáp nhập tại Việt Nam hay hướng dẫn cụ thể về sáp nhập các tổ chức Nhà nước.

*Thứ hai*, cần sử dụng phương pháp định giá phù hợp. Do việc xác định giá trị ngân hàng mục tiêu của bên mua không chính xác, hay do bản thân ngân hàng bán không biết giá trị ngân hàng mình nên các bên tham gia M&A tại Việt Nam gặp khá nhiều khó khăn về định giá. Trên thế giới, khi tiến hành đánh giá một thương vụ M&A, người ta xem xét liệu dòng tiền mà ngân hàng thu được sau thương vụ này có lớn hơn dòng tiền tổng cộng của cả hai ngân hàng đứng riêng lẻ không, phần gia tăng còn phải lớn hơn chi phí bỏ ra cho việc thực hiện thương vụ M&A. Còn tại Việt

Nam, việc xác định giá hợp lý để sở hữu cổ phần trong ngân hàng cũng là một khó khăn lớn. Những rào cản này gây nên tâm lý rụt rè cho những ngân hàng chưa có kinh nghiệm và kiến thức trong lĩnh vực M&A.

*Thứ ba*, cần minh bạch hóa về thông tin. Việc thiếu thông tin khiến bên mua không thể đánh giá giá trị của công ty đi bán, không biết được những vấn đề phát sinh sau khi thực hiện M&A như những khoản nợ không được công khai, những khoản nợ tiềm tàng chưa phát sinh, những vấn đề vi phạm hợp đồng, pháp luật, bảo vệ môi trường mà bên mua không được cung cấp đầy đủ. Bên cạnh đó, rủi ro mà các thương vụ M&A hay mắc phải đó chính là ở khâu sau cùng- thủ tục đầu tư- vì thiếu các quy định pháp luật rõ ràng và nhất quán. Đặc biệt, các nhà đầu tư nước ngoài khi đến Việt Nam

phần lớn thường khó khăn về tính thiếu minh bạch của số liệu tài chính và hoạt động mà các ngân hàng Việt Nam công bố.

### **3.5. Năm 2013 là năm thể hiện rõ nét trách nhiệm xã hội của ngành Ngân hàng**

Trong năm 2012- 2013, các NHTM đã liên tục giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có phương án, dự án sản xuất kinh doanh hiệu quả tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn vốn ngân hàng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Từ tháng 7/2012, lãi suất các khoản vay cũ giảm dần theo lời hiệu triệu của Thống đốc NHNN từ 17%-20%/năm xuống về mức hợp lý như hiện nay chỉ còn khoảng 10%/năm. Các NHTM đã xem xét cơ cấu nợ, gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ của các khoản vay cũ, trong khi vẫn phải chịu lãi suất cao cho nguồn vốn huy động đầu vào chưa đến kỳ hạn thanh toán. Từ đó, hệ thống NHTM đã thực sự đảm bảo nguồn vốn cho các doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường chứng khoán eo uột.

Thêm vào đó, các NHTM chuyển dịch cơ cấu cấp tín dụng theo hướng tập trung vào lĩnh vực sản xuất- kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên cấu thành giá trị bền vững của nền kinh tế. Đối với thị trường bất động sản, ngành Ngân hàng cũng triển khai gói hỗ trợ cho vay nhà ở trị giá 30.000 tỷ đồng từ 01/6/2013 nhằm tạo cú hích đối với phân khúc nhà ở xã hội

nói riêng và sự phát triển chung của thị trường trong thời gian tới. Các TCTD đã chủ động tăng cường trích lập DPRR, hy sinh lợi nhuận trong ngắn hạn để tập trung xử lý nợ xấu, tích cực xử lý nợ xấu bằng việc tham gia tái cấu trúc doanh nghiệp vay vốn vừa giảm tổn thất cho ngân hàng vừa có thể duy trì hoạt động của doanh nghiệp và công ăn việc làm cho hàng ngàn nhân công lao động, góp phần ổn định trật tự xã hội. Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và hoạt động ngân hàng, nhưng toàn ngành vẫn chủ động tích cực tham gia nhiều hoạt động từ thiện và chương trình an sinh xã hội với số tiền lên đến hàng nghìn tỷ đồng.

Như vậy, ngành Ngân hàng với những đóng góp to lớn trong năm 2013 đã thể hiện sự thay đổi nhận thức và dần chuyển dịch hành động theo hướng tăng trưởng bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích của mọi đối tượng trong và ngoài ngành, góp phần vào sự phát triển chung của cả nền kinh tế và đất nước.

Với vai trò là động lực quan trọng nhất trong khôi phục kinh tế vĩ mô Việt Nam giai đoạn 2011-2013 và sẽ tiếp tục là đầu tàu vực dậy nền kinh tế trong năm 2014, ngành Ngân hàng đã và đang thực hiện *nghiêm túc, chất lượng và vượt xa các mốc yêu cầu* trong đề án “*Cơ cấu lại hệ thống TCTD giai đoạn 2011- 2015*”. Các vấn đề về nợ xấu, sở hữu chéo,... sẽ được xử lý triệt để khi hoàn

thành các nội dung của đề án này. Với những thành công và kinh nghiệm của năm 2013, chắc chắn rằng năm 2014, lộ trình tái cấu trúc ngành Ngân hàng diễn ra đúng với kế hoạch, sẽ mang lại thế và lực mới cho ngành Ngân hàng Việt Nam trong hội nhập. ■

### **Tài liệu tham khảo**

1. Cục đăng ký Quản lý kinh doanh, 2013, Báo cáo tình hình doanh nghiệp.
2. Đề án “*Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011- 2015*” ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01/03/2012.
3. Nguyễn Đức Trung, 2013, “*Quản lý thị trường vàng tại Việt Nam*”, Đề tài NCKH cấp Ngành 2012, NHNNVN.
4. Tô Ngọc Hưng, 2012, “*Báo cáo hoạt động ngân hàng 2012 và dự báo 2013*”, Học viện Ngân hàng.
5. Tô Ngọc Hưng, 2013, “*Xử lý nợ xấu trong quá trình tái cấu trúc các NHTM Việt Nam*”, Đề tài nghiên cứu cấp Ngành 2012, NHNNVN.
6. Tô Kim Ngọc, 2013, “*Sử dụng công cụ trong điều hành CSTT của NHNN giai đoạn 2011-2013*”, Kỷ yếu khoa học Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tháng 11.2013.
7. ADB, 2013, *The Vietnam economy report 2013*.
8. Citi Research, 2013, 2012, *The World Economy Outlook*.
9. Euro Stat, 2013, *The macroeconomics indicators 2013*.